

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 256/2018/HS-ST
Ngày 20-11-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nhâm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Anh Tài

Bà Nguyễn Ngọc Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Thái Thị Yên là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thanh Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 231/2018/TLST- HS ngày 25 tháng 10 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 266/2018/QĐXXST – HS ngày 07 tháng 11 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. LNAT, sinh năm 1995 tại Bình Dương; thường trú: 13/15 tổ 37, khu 5, phường CN, TpTDM, tỉnh BD; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông NVT1 (chết) và bà LKT2, sinh năm 1974; tiền án: Bản án số 200/2014/HSST ngày 10/9/2014 Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; Bản án số 02/2016/HSST ngày 04/01/2016 Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, chấp hành xong hình phạt tù ngày 05/11/2016, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam từ ngày 02/7/2018, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. LMT3, sinh năm 1995 tại Bình Dương; thường trú: Đ464/36 tổ 36, khu 5, phường CN, Thành phố TDM, tỉnh BD; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 1/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông LMH, sinh năm 1976 và bà MTT4, sinh năm 1979; tiền án: Bản án số 59/2017/HSST ngày 16/3/2017 Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, chấp hành xong hình phạt tù ngày 07/9/2017; tiền sự:

Ngày 12/4/2018 bị Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 24 tháng; bị bắt, tạm giam từ ngày 11/9/2018, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

+ Bà Lê Thị Bé T4, sinh năm 1990; thường trú: Ấp BT, xã TT, huyện GT, tỉnh BT; tạm trú: 104A/2 khu phố TL, phường AT, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, có mặt.

+ Bà Phạm Thị Kim Q, sinh năm 1990; thường trú: Xã AB, huyện BH, tỉnh DL; tạm trú: 104A/2 khu phố TL, phường AT, thị xã TA, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Bùi Hoàng M, sinh năm 1987; thường trú: 99/24 khu 6, phường PH, Thành phố TMD, tỉnh Bình Dương, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

+ Bà Lê Kim T2, sinh năm 1974; thường trú: khu 5, phường CN, Thành phố TDM, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

- Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị Lệ H, sinh năm 1970; trú tại: 104A/2 khu phố TL, phường AT, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 22/6/2018 LMT3 đến nhà LNAT chơi. Sau đó T rủ T3 đi trộm cắp tài sản thì T3 đồng ý. T điều khiển xe mô tô biển số 61B1-226.37 chở T3 đi đến nhà trọ địa chỉ 104A/2 khu phố TL, phường AT, thị xã TA, tỉnh Bình Dương. T3 đứng trông coi xe và cảnh giới để cho T đi đến phòng trọ số 5 của LTBT4 và PTKQ, T dùng tua vít đã chuẩn bị sẵn cạy ổ khóa phòng trọ vào bên trong. Thấy vậy, T3 cũng đi vào phòng cùng với T để lấy trộm tài sản. T lấy được 01 cái laptop nhãn hiệu Dell của bà T4 và số tiền 500.000 đồng của bà Q, còn T3 lấy được 02 nhẫn vàng 18K của bà T4 và số tiền 345.000 đồng của bà Q. Sau khi lấy trộm được số tài sản trên T3 điều khiển xe chở T3 về nhà của T, T đưa cho T3 500.000 đồng, T3 chia lại cho T 400.000 đồng còn 445.000 đồng T3 cất giữ.

Sau khi T chở T3 đến tiệm vàng (không rõ địa chỉ) bán 02 nhẫn 18k được 1.150.000 đồng, rồi tiếp tục đến tiệm mua bán, sửa chữa máy vi tính địa chỉ số 209 đường TQĐ, phường CN, TP TDM, tỉnh Bình Dương gặp ông BHM là chủ tiệm laptop bán được 4.000.000 đồng, sau đó ông M bán cho khách (không rõ lai lịch) được số tiền 4.800.000 đồng. số tiền bán được nhẫn vàng và laptop T và T3 chia đôi và tiêu xài hết.

Tang vật thu giữ gồm 01 xe mô tô biển số 61B1-226.37, số tiền 4.800.000 đồng, 01 áo sơ mi màu trắng, 01 quần dài màu đen, 02 cái mũ bao hiểm màu vàng, 01 đôi giày da màu đen, 01 cái giỏ xách màu đen, 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên LMT3, 01 đôi dép, 01 áo thun màu xanh đen, 01 quần jean màu xanh và 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên LNAT.

Tại biên bản định giá tài sản và kết luận định giá tài sản ngày 10/7/2018 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự thị xã Thuận An xác định 01 laptop hiệu Dell trị giá 9.500.000 đồng và 02 nhẫn vàng 18K trọng lượng 01 chỉ trị giá 2.400.000 đồng.

Đối với vật chứng là 01 xe mô tô biển số 61B1-226.37 thu giữ của LNAT. Qua xác minh người đứng tên chủ sở hữu chiếc xe này là của bà LKT2 là mẹ của T, bà T2 trình bày việc T sử dụng xe làm phương tiện đi trộm cắp tài sản thì bà T2 không biết, cơ quan cảnh sát điều tra công an thị xã Thuận An đã ra quyết định xử lý vật chứng trả chiếc xe cho bà T2

Đối với ông BHM mua lại laptop của T sau đó bán lại cho người khác, ông M không biết chiếc laptop này do T chiếm đoạt được của bà T4 nên Cơ quan cảnh sát điều tra điều tra Công an thị xã Thuận An không xem xét xử lý, đồng thời ông M nộp lại số tiền 4.800.000 đồng bán máy laptop.

Tại Cáo trạng số 246/CT-VKSTA ngày 23 tháng 10 năm 2018 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo LNAT về “Tội trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự, truy tố bị cáo LMT3 về “Tội trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự, phân tích tính chất, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, các Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo LNAT mức hình phạt tù 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù đến 03 (ba) năm tù; Áp dụng khoản 1 Điều 173, các Điểm s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51, Điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo LMT3 mức hình phạt tù 01 (một) năm đến 01 (một) 03 (ba) tháng tù. Ngoài ra đại diện Viện Kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử xử lý vật chứng theo quy định pháp luật.

Ý kiến bị hại bà PTKQ yêu cầu bị cáo T và bị cáo T3 bồi thường số tiền 845.000 đồng và xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Ý kiến bị hại bà LTBT4 yêu cầu bị cáo T và bị cáo T3 bồi thường trị giá laptop bị mất là 9.500.000 đồng, trị giá 02 nhẫn vàng 18K trọng lượng 01 chỉ là 2.400.000 đồng, tổng cộng 11.900.000 đồng và xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong các giai đoạn tố tụng từ khi khởi tố vụ án cho đến khi kết thúc việc truy tố, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi trộm cắp tài sản như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An đã truy tố. Lời khai của bị cáo phù hợp với Biên bản bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và những chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có căn cứ kết luận: Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 22/6/2018 LMT3 đến nhà LNAT chơi. Sau đó T rủ T3 đi trộm cắp tài sản thì T3 đồng ý. T điều khiển xe mô tô biển số 61B1-226.37 chở T đi đến nhà trọ địa chỉ 104A/2 khu phố TLc, phường AT, thị xã TA, tỉnh Bình Dương. T3 đứng trông coi xe và cảnh giới để cho T đi đến phòng trọ số 5 của LTBT4 và PTKQ, T dùng tua vít đã chuẩn bị sẵn cạy ổ khóa phòng trọ vào bên trong. Thấy vậy, T3 cũng đi vào phòng cùng với T để lấy trộm tài sản. T lấy được 01 cái laptop nhãn hiệu Dell trị giá 9.500.000 đồng của bà T4 và số tiền 500.000 đồng của bà Q, còn T3 lấy được 02 nhẫn vàng 18K trị giá 2.400.000 đồng của bà T4 và số tiền 345.000 đồng của bà Q, bị cáo LNAT có 02 tiền án về tội trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích do đó Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo LNAT về “Tội trộm cắp tài sản” với tình tiết định khung là tái phạm nguy hiểm theo điểm g Khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự, bị cáo LMT3 về “Tội trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Các bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự, trị an tại địa phương. Các bị cáo nhận thức được hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật hình sự và sẽ bị xử lý nhưng vì động cơ tham lam, tư lợi, muốn có tài sản sử dụng không phải bằng sức lao động của mình nên đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội, bất chấp hậu quả và pháp luật. Do đó cần xử phạt các bị cáo mức án tương xứng để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Trong vụ án này có tính chất đồng phạm, bị cáo T là người đề xuất việc phạm tội, là người dùng xe mô tô biển số 61B1-226.37 chở T3 đi trộm cắp tài sản và dùng tua vít cạy ổ khóa vào phòng trọ, bị cáo T3 tham gia giúp sức tích cực, cảnh giới và cùng bị cáo T vào lấy trộm tài sản của các bị hại do đó vai trò của các bị cáo là ngang nhau

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo LMT3 đã bị Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích mà tiếp tục phạm tội mới nên thuộc trường hợp tái phạm quy định tại Điểm h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, các bị hại có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Do vậy, Hội đồng xét xử xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại các Điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

Đối chiếu với mức hình phạt, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa, bị hại bà PTKQ yêu cầu bị cáo T và T3 bồi thường số tiền 845.000 đồng, các bị cáo đồng ý bồi thường nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này.

Tại phiên tòa bị hại LTBT4 yêu cầu bị cáo T và T3 bồi thường trị giá laptop bị mất là 9.500.000 đồng, trị giá 02 nhẫn vàng 18K trọng lượng 01 chỉ là 2.400.000 đồng, tổng cộng 11.900.000 đồng các bị cáo đồng ý bồi thường nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này.

[4] Về xử lý vật chứng:

Đối với vật chứng là 01 xe mô tô biển số 61B1-226.37 thu giữ của LNAT. Qua xác minh người đứng tên chủ sở hữu chiếc xe này là của bà LKT2 là mẹ của T, bà T2 trình bày việc T sử dụng xe làm phương tiện đi trộm cắp tài sản thì bà T2 không biết, cơ quan cảnh sát điều tra công an thị xã Thuận An đã ra quyết định xử lý vật chứng trả chiếc xe cho bà T2 là đúng quy định.

Đối với ông BHM mua lại laptop của T sau đó bán lại cho người khác, ông M không biết chiếc laptop này do T chiếm đoạt được của bà T4 nên Cơ quan cảnh sát điều tra điều tra Công an thị xã Thuận An không xem xét xử lý là đúng quy định. Đối với số tiền 4.800.000 đồng ông M nộp tại cơ quan cảnh sát điều tra công an thị xã Thuận An nên Hội đồng xét xử tuyên trả lại cho ông M.

Đối với 01 áo sơ mi màu trắng, 01 quần dài màu đen, 01 cái mũ bảo hiểm màu vàng, 01 đôi giày da màu đen, 01 cái giỏ xách màu đen, 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên LMT3 là tư vật của bị cáo LMT3 nên trả lại cho bị cáo T3.

Đối với 01 đôi dép, 01 áo thun màu xanh đen, 01 quần jean màu xanh, 01 cái mũ bảo hiểm màu vàng và 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên LNAT là tư vật của bị cáo LNAT nên trả lại cho bị cáo T.

[5] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173; Điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo LNAT;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; Điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điểm h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo LMT3;

Căn cứ các Điều 46, 48 và Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Căn cứ Điều 106, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ các Điều 584, 585, 587 và Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015.

Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo LNAT và bị cáo LMT3 phạm tội “trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo LNAT 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02 tháng 7 năm 2018.

Xử phạt bị cáo LMT3 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11 tháng 9 năm 2018.

2. Về trách nhiệm dân sự:

- Buộc bị cáo LNAT và bị cáo LMT3 có trách nhiệm bồi thường cho bà PTKQ số tiền 845.000 đồng.

- Buộc bị cáo LNAT và bị cáo LMT3 có trách nhiệm bồi thường cho bà LTBT4 trị giá laptop bị mất là 9.500.000 đồng, trị giá 02 nhẫn vàng 18K trọng lượng 01 chỉ là 2.400.000 đồng, tổng cộng 11.900.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về xử lý vật chứng:

- Trả cho ông BHM số tiền 4.800.000 đồng

(Theo giấy ủy nhiệm chi ngày 23 tháng 10 năm 2018).

- Trả cho bị cáo LNAT 01 đôi dép, 01 áo thun màu xanh đen, 01 quần jean màu xanh, 01 cái mũ bảo hiểm màu vàng và 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên LNAT

- Trả cho bị cáo LMT3 01 áo sơ mi màu trắng, 01 quần dài màu đen, 01 cái mũ bảo hiểm màu vàng, 01 đôi giày màu đen, 01 cái giỏ xách màu đen, 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên LMT3.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 26 tháng 10 năm 2018).

4. Về án phí: Các bị cáo LNAT và LMT3, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo LNAT và LMT3 phải chịu 637.250 đồng (sáu trăm ba mươi bảy nghìn hai trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Các bị cáo, bị hại có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Phòng PV 27 CA tỉnh Bình Dương;
- Sở tư pháp;
- VKSND thị xã Thuận An;
- Công an thị xã Thuận An;
- Chi cục THADS thị xã Thuận An;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VT.

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Nhâm